

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 306/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2025

“V/v tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Thành

Ông Võ Duy Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Như Quỳnh - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bằng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 490/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 179/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vi Thị N, sinh năm 1993. Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khối T, thị trấn K, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Hiện nay cư trú và làm việc tại: Công ty TNHH C, địa chỉ: Số A, đường T, khu Đ, thành phố Đ, Đài Loan. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được hợp pháp hoá của Văn phòng K tại Đ).

- Bị đơn: Anh Trương Xuân T, sinh năm 1984. Nơi cư trú: khối L, phường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Vi Văn T1, sinh năm 1965 và bà Lê Thị H, sinh năm 1968. Địa chỉ: Khối T, thị trấn K, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai (được hợp pháp hoá của Văn phòng K tại Đ) nguyên đơn chị Vi Thị N trình bày:

Chị Vi Thị N và anh Trương Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/2014 tại Ủy ban nhân phường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, do tính tình và quan điểm sống

khác nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Sau đó chị N đưa con chung về sống với bố mẹ đẻ tại huyện Q, tỉnh Nghệ An. Năm 2019, chị N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nên cháu L được bố mẹ chị N chăm sóc. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân và không liên lạc với nhau. Chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Xuân T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Thị Khánh L, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2014, hiện nay đang ở với ông Vi Văn T1 và bà Lê Thị H (là bố mẹ của chị N). Ly hôn, chị N có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh Trương Xuân T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N không không yêu cầu giải quyết.

Chị N hiện đang cư trú tại Đài Loan, do làm việc xa nên chị không thể về tham gia phiên tòa nên chị N đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt.

2. Bị đơn anh Trương Xuân T trình bày:

Năm 2019, anh T và chị N sang Đài Loan làm việc đến năm 2023 anh T về nước. Kể từ đó hai vợ chồng không liên lạc với nhau. Ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Trương Thị Khánh L, sinh ngày 28/8/2014 và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vi Văn T1 và bà Lê Thị H trình bày:

Ông T1 và bà H là bố mẹ đẻ của chị N. Chị N và anh T là vợ chồng. Từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn chị N đưa con về ở cùng với ông T1 và bà H cho đến nay. Năm 2019, chị N sang Đài Loan làm việc và giao cháu Trương Thị Khánh L cho ông T1, bà H chăm sóc. Về tiền công chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L từ trước đến nay ông T1, bà H không yêu cầu chị N và anh T phải thanh toán.

4. Ý kiến của cháu Trương Thị Khánh L: Bố, mẹ ly hôn cháu Trương Thị Khánh L có nguyện vọng được sống cùng mẹ, trong thời gian mẹ ở nước ngoài cháu mong muốn ở với ông bà ngoại.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu quan điểm:

- Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Chị N đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan được Văn phòng K tại Đ xác nhận nên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị cho chị N được ly hôn với anh T.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Trương Thị Khánh L, sinh ngày 28/8/2014 hiện nay đang sống với ông Vi Văn T1 và bà Lê Thị H (bố mẹ chị N). Chị N và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con chung và không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị N hiện đang sinh sống, làm việc tại nước ngoài, mặc dù có địa chỉ cụ thể và có nơi làm việc rõ ràng nhưng không thể trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Anh Trương Xuân T hiện đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam có đầy đủ điều kiện và khả năng để chăm sóc con chung. Mặc dù cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ nhưng vẫn cần giao cháu L cho anh Trương Xuân T để thuận tiện trong việc chăm sóc cháu L. Đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Trương Thị Khánh L cho anh Trương Xuân T để chăm sóc và giáo dục theo quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về chi phí nuôi con: Ông T1, bà H không yêu cầu nên không xem xét

Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vi Thị N hiện đang cư trú hợp pháp tại Đài Loan đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Trương Xuân T hiện đang cư trú tại tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về nội dung: Chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Trương Xuân T và yêu cầu được nuôi con chung. Anh T vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn trình bày anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, chị N và anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc một thời gian thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống không thể giải quyết được nên chị N đưa con về ở cùng với ông T1, bà H (bố, mẹ chị N) tại huyện Q, tỉnh Nghệ An và năm 2019, chị N đi xuất khẩu tại Đài Loan. Hiện nay, anh T sinh sống và làm việc tại Việt Nam, chị N sinh sống ở nước ngoài; hai vợ chồng đã sống ly thân, không liên lạc với nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, giải quyết cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Thị Khánh L, sinh ngày 28/8/2014. Hiện cháu L đang sống với ông Vi Văn T1 và bà Lê Thị H (là

bố mẹ của chị N). Xét thấy, hiện tại chị N hiện đang sinh sống và làm việc ở Đài Loan, mặc dù có địa chỉ cụ thể và có nơi làm việc rõ ràng. Tuy nhiên, do đang ở nước ngoài nên chị N không thể trực tiếp chăm sóc và nuôi dạy con chung. Anh T hiện đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung, có đầy đủ điều kiện và khả năng để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặc dù cháu L có nguyện vọng được ở với chị N nhưng để đảm bảo được việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L tốt hơn cần giao cháu L cho anh T nuôi dưỡng là phù hợp là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Trương Xuân T không yêu cầu chị Vi Thị N cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[5] Tài sản chung và nợ chung: Chị Vi Thị N và anh Trương Xuân T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Tiền công cho người chăm sóc con chung: Ông Vi Văn T1 và bà Lê Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Vi Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84, 122, 123, 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 37; Điều 40; Điều 147; Điều 207; Điều 227; Điều 228; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Vi Thị N được ly hôn với anh Trương Xuân T.

2. Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung là cháu Trương Thị Khánh L, sinh ngày 28/8/2014 cho anh Trương Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Anh Trương Xuân T chưa yêu cầu chị Vi Thị N cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay cháu Trương Thị Khánh L đang được ông Vi Văn T1 và bà Lê Thị H quản lý, chăm sóc nên phải có trách nhiệm giao cháu Trương Thị Khánh L cho anh Trương Xuân T chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vi Thị N và anh Trương Xuân T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vi Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013436 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An. Chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vi Thị N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Anh Trương Xuân T, ông Vi Văn T1 và bà Lê Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND p N.
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)
Hoàng Ngọc Anh**